| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 79/2018/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Huế, ngày 30 tháng 01 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 583/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017; giữa:

**Người yêu cầu:**

1/ Anh Huỳnh Quốc T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 299 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2/ Chị Trần Lê Kim A, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 37/68 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018;

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Quốc T và chị Trần Lê Kim A.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**- Về con chung:**Anh Huỳnh Quốc T và chị Trần Lê Kim A xác nhận vợ chồng có 02 con chung là:

- Huỳnh Tuấn K, sinh ngày: 04/12/2007.

- Huỳnh Tuấn M, sinh ngày: 28/02/2013.

Anh T và chị A thoả thuận: Giao các cháu Huỳnh Tuấn K và Huỳnh Tuấn M cho chị Trần Lê Kim A trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh Huỳnh Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh T và chị A xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về lệ phí**: Anh T và chị A phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 003339 ngày 4 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

**3.**Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố Huế
(**ĐKKH vào ngày 15/10/2007).**
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Tôn Minh Hiền**